

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T C  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 24- 3 - 2021  
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T C, TỈNH TRÀ VINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Lê Thanh Tùng

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Bà Trang Thị Cẩm Nhuần
2. Ông Nguyễn Văn Bé

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Thanh Quyên là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hùng Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện T C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 105/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Chị Trần Thị L, sinh năm 1980 ( có mặt)

***Địa chỉ:*** Ấp Tân Thành Đông, xã Tân Hòa, huyện T C, tỉnh Trà Vinh

***Bị đơn:*** Anh Lê Văn L, sinh năm 1976 ( có mặt)

***Địa chỉ:*** Ấp Tân Thành Đông, xã Tân Hòa, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- **Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của chị Trần Thị L là nguyên đơn như sau:**

Chị L và anh Lê Văn L chung sống với nhau vào năm 2002 và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã Tân Hòa, huyện T C, tỉnh Trà Vinh vào năm 2010. Trong quá trình chung sống có 01 con chung tên Trần Lê Huỳnh Nh, sinh ngày 24/9/2003 hiện đang sống với chị L. Nguyên nhân yêu cầu ly hôn là do bất đồng ý kiến, vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh L không quan tâm, chăm lo cho gia đình.

Về hôn nhân: Chị L yêu cầu được ly hôn với anh L;

Về con chung: Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Lê Huỳnh Nh và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị L khai vợ chồng chị không có thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Anh Lê Văn L là bị đơn trình bày:***

Anh L thống nhất với lời khai của chị L về thời gian chung sống, thời điểm kết hôn và về con chung. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có bất đồng ý kiến. Khi anh L có uống rượu thì xảy ra cự cãi và đánh vợ nên vợ chồng không còn chung sống với nhau.

Về hôn nhân: Anh L không đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị L và xin được đoàn tụ.

Về con chung: Trong trường hợp ly hôn, theo nguyện vọng của cháu Trần Lê Huỳnh Nh muốn sống với cha hoặc mẹ thì anh L cũng đồng ý, nếu như con chung sống với anh L thì anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Anh L khai vợ chồng anh không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Trần Lê Huỳnh Nh là con chung của chị Trần Thị L và anh Lê Văn L trình bày:*** Hiện nay đang sống chung với bà Trần Thị L. Khi cha, mẹ ly hôn Trần Lê Huỳnh Nh có nguyện vọng sống với mẹ ruột là bà Trần Thị L.

**Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát:**

Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng.

Việc chấp hành của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm xét xử các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị L được ly hôn với ông Lê Văn L.

Về con chung: Giao cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Lê Huỳnh Nh. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

Về án phí: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn và tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T C theo quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Lê Văn L chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh L. Anh L thống nhất cuộc sống hôn nhân có mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, xảy ra cự cãi và anh L có đánh vợ nhưng anh L không đồng ý ly hôn. Xét thấy qua lời khai của các đương sự và kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân của chị L và anh L thì cuộc sống hôn nhân giữa chị L, anh L có nhiều mâu thuẫn do không có sự quan tâm, yêu thương, giúp đỡ nhau, hiện nay không còn chung sống với nhau. Từ đó, xét thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh L xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị L được ly hôn với anh L.

[3] Về con chung: Chị L và anh L có 01 người con chung tên Trần Lê Huỳnh Nh, sinh ngày 24/9/2003. Xét thấy hiện nay chị L là người trực tiếp nuôi con, đồng thời cháu Trần Lê Huỳnh Nh có nguyện vọng tiếp tục sống với chị L. Do đó cần giao cháu Trần Lê Huỳnh Nh cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và đúng với quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án đã giải thích quy định của pháp luật về việc người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng chị Trần Thị L không yêu cầu anh Lê Văn L phải cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị L và anh L không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về nợ chung: Chị L và anh L khai không có nợ ai nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xét thấy cần buộc chị Trần Thị L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Từ những cơ sở trên xét thấy quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T C về việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, Điều 244, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L được ly hôn với anh Lê Văn L.

Về con chung: Giao con chung của chị L và anh L tên Trần Lê Huỳnh Nh, sinh ngày 24/9/2003 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Trần Thị L không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Về tài sản chung: Chị L và anh L không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về nợ chung: Chị L và anh L khai không có nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000851

ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T C. Chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện T C.
- TAND tỉnh Trà Vinh.
- CCTHADS huyện T C.
- UBND xã Tân Hòa
- Đương sự.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thanh Tùng**